

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14-3-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21-12-2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-01-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; có mặt

Địa chỉ: Tổ 2, thôn 15, xã E, huyện Cr, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Anh Phạm Quốc P, sinh năm 1986; vắng mặt

Địa chỉ: 05 H, tổ dân phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21-10-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Phạm Quốc P tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B vào ngày 25/5/2017. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không lo làm ăn, quậy phá gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến

nay. Xét thấy tình cảm không còn nên chị N xin được ly hôn với anh Phạm Quốc P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng U sinh ngày 11/4/2018.

Chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho cháu U đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Quốc P trình bày có nội dung:

Anh P và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B vào ngày 25/5/2017. Quá trình chung sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì. Anh P thấy tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng U, sinh ngày 11/4/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 19-12-2018 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 20-12-2018 Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, ngày 20-12-2018 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ P luật tranh chấp:* Đây là quan hệ P luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Quốc P là quan hệ hôn nhân hợp P, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B vào ngày 25/5/2017. Trong quá trình chung sống chị N xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, quậy phá gia đình, không lo làm ăn. Từ đó vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã lẫn nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Anh P xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì, hiện nay anh P vẫn còn tình cảm với chị N nên anh P không đồng ý ly hôn và có mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị N, anh P sau khi kết hôn chỉ hạnh

phúc thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của P luật. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Quốc P đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Phạm Quốc P là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Quốc P có 01 con chung là Phạm Hoàng U, sinh ngày 11/4/2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu U hiện đang còn nhỏ và đang sinh sống ổn định với chị N. Do đó HĐXX cần giao con chung là Phạm Hoàng U, sinh ngày 11/4/2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên; anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về chia tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/00011296 ngày 20-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Bị đơn anh Phạm Quốc P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Quốc P.

2. **Về con chung:** Giao con chung là Phạm Hoàng U, sinh ngày 11/4/2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị N không yêu cầu, nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. **Về chia tài sản và công nợ chung:** Vợ chồng không có và chị N không yêu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. **Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số số AA/2017/0011296 ngày 20-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ. Bị đơn anh Phạm Quốc P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường Đạt Hiếu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Kim Chung